

Nghiep
& Phương Pháp
Tây Nghiep

CHÙA DƯỢC SƯ
ĐỨC TRỌNG - LÂM ĐỒNG

Nghịệp
& Phương Pháp
Tây Nghịệp

Tỳ-kheo-ni HẢI TRIỀU ÂM toát yếu

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PL/ 2564 - 2020

MỤC LỤC



LỜI GIỚI THIỆU	7
GIẢI THOÁT (Thiền sư Thanh Tù).....	9
NGHIỆP (Ngài Hộ Tông).....	22
PHƯƠNG PHÁP TẨY NGHIỆP.....	45
KINH MUỜI THIỆN NGHIỆP	50
KINH DHAMMAPALA JATAKA	59
MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN	62
KINH ĐẠI BẢO TÍCH	73
TÙ BI.....	90
HỶ XÁ	100
HẢI TRIỀU ÂM TOÀN TẬP	104

Lô̂ giâ̄i thiê̄

Sư trưởng Hải Triều Âm (1920-2013) là một bậc Thầy lý tưởng mà suốt đời chúng con tôn thờ. Nói đến sự nghiêm trì giới luật của hàng Tăng Ni trong nước Việt Nam, ai cũng phải tán thán công đức của Sư trưởng.

Với mong muốn lưu thông tất cả những đóng góp của Ân Sư cho sự nghiệp hoằng dương chánh pháp của Phật giáo Việt Nam, Ni chúng chùa Được Sư đang nhiệt tâm sưu tầm để mau chóng hoàn thành bộ “**Hải Triều Âm Toàn Tập**”. Trong quá trình thu thập tư liệu, chúng con đã tìm được cuốn sách còn in đậm bút tích của Ân Sư với nội dung nói về **Nghiệp**.

Cuốn sách này là một tuyển tập gồm nhiều bài pháp ngắn mà Sư trưởng đã góp nhật những vấn đề thiết yếu của nền tảng Phật giáo. Ai



*muốn hết khổ thì phải tránh ác, ai cầu an vui
thì hãy làm lành.*

*Đọc lại những dòng chữ mà Sư trưởng lưu
lại kỷ niệm cho hậu thế, từng câu từng chữ cảm
thấy thấm thía vào tận tâm can. Lời lẽ giản dị,
dễ hiểu nhưng ý vị thâm trầm sâu sắc.*

*Nay xin chia sẻ cùng quý đạo hữu cuốn cẩm
nang quý giá làm hành trang trên bước đường
tu học.*

Tháng 1 năm Canh Tý (2020)

Trân trọng kính ghi

Ni chúng Chùa Được Sư



Giải Thoát

Thiền sư Thanh Tù
Phật giáo Đại thừa

Cốt lõi đạo Phật là giải thoát đau khổ. Biết đúng mới làm đúng, có giác ngộ mới có giải thoát. Như người nghiện á phiện muốn thoát khổ, trước hết chính mình phải nhận thức rõ ràng tai hại của á phiện. Rồi lập chí cương quyết bỏ. Dù bị cơn ghiền hành hạ thế mấy, liều chết không dùng á phiện nữa. Có thể mới hy vọng thành công trong việc chữa bỏ bệnh ghiền. Thái tử Tất Đạt Đa, vì giác tỉnh được bốn khổ sanh già bệnh chết, mới mãnh liệt xuất



gia, tìm cho bằng được nguồn gốc luân hồi.

Nghiệp là sức mạnh của thói quen. Ban đầu ta là chủ tạo nghiệp. Khi nghiệp đã thành thì nghiệp làm chủ chi phối lại chúng ta. Ban đầu ta bắt chước bạn bè tập uống rượu. Sau ghiền rồi, ta bị rượu chi phối. Nghiệp dẫn dắt chúng ta lang thang trong sáu nẻo luân hồi. Động gọi là sống. Ngừng mọi hoạt động gọi là chết.

Tụng rằng:

Đem vào nhờ gió nghiệp

Tống ra cõng gió đưa

Nào hô hấp tuần hoàn

Một phen gió nghiệp dừng

Thân chỉ là khúc gỗ.

Gió nghiệp hút cơm nước không khí vào. Gió nghiệp tống phân tiểu đờm dãi



ra. Gió nghiệp dừng thì thân cứng đờ rồi tan rã. Còn nghiệp còn sự sống và tiếp nối sự sống. Nghiệp chủ động vòng sanh tử.

Thói quen làm lành (nghiệp thiện) **đưa về cõi trời.**

Thói quen làm ác (nghiệp ác) **đưa về địa ngục.**

Vậy nghiệp là những hành động hàng ngày của mình. Chính chúng ta tự định đoạt số phận hiện tại và vị lai của mình. Không ai khác, kể cả đức Phật, có thể đem vui khổ lại cho chúng ta. Nghiệp lành hay dữ, tích lũy thành sức mạnh, dẫn dắt đến chỗ tương ứng để thọ sanh gọi là *tích-lũy nghiệp*. Như cây đã nghiêng hẳn một chiều thì khi đổ hẳn ngả về mặt ấy.

Một đời lần lộn thiện ác, không nghiêng hẳn mặt nào, lúc lâm chung nhờ bạn lành tụng kinh để giúp giác tỉnh, hoặc niệm



Phật để hộ thêm sức mạnh cho chí nguyện cầu vãng sanh. Cận tử nghiệp này rất đặc lực. (Cận: gần; tử: chết. Nghiệp khởi lúc gần chết là đầu mối của nghiệp lai sanh).

Cả thân miệng ý cùng tạo thì kết quả hẳn là định nghiệp. Nếu thân miệng tạo mà ý lơ là thì nghiệp bất định, có thể theo duyên thiện ác mà thay đổi.

Đã biết rõ nghiệp là chủ của tất cả khổ vui.

Nghiệp xuất phát từ thân miệng ý.

Nên ai đã phát tâm quy y Tam-bảo thì phải thọ năm giới (thân không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm; miệng không nói càn, không uống rượu) **để thoát cảnh địa ngục ngã quỷ bàng sanh.** Phật lại đặt ra mười giới để đưa chúng sanh lên trời (thân không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm; miệng không nói dối, không hai luối, không thêu dệt, không độc ác; ý không tham



lam, không sân giận, không tà kiến si mê). **Thập thiện tuy chưa ra khỏi luân hồi, tuy chưa vĩnh viễn thoát khổ, nhưng chính đây là nấc thang cơ bản.** Nếu thiếu thập thiện thì không thể nói đến Phật đạo.

Đã giác ngộ ý là chủ động nên cần tu thiền để định tâm hoặc niệm Phật đến nhất tâm không loạn.

Niệm Phật về Sư: Phải tin chắc có cõi An Lạc thật, có đức A Di Đà tiếp dẫn thật, mình niệm Phật quyết định vãng sanh. **Về Lý:** Phải tin chắc tâm tịnh thì độ tịnh, tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh-độ.

Dù niệm thâm hay ra tiếng phải nghe rõ danh hiệu Phật. Tâm không cho vọng tưởng. Lúc đầu cần thời khóa, xâu chuỗi v.v... dần dần trong bốn oai nghi, tất cả hoạt động, càng già bệnh càng hoạn nạn càng tinh tấn. Có người chuyên sự, có



người chuyên lý, có người song tu sự lý.
Nhưng chủ yếu phải Nhất Tâm.

Thiền tiệm thứ có đề mục, có phương pháp ứng dụng, có thứ lớp tiến tuần tự, có sở chứng sở đắc từ thấp lên cao. Như **Tứ Niệm Xứ, Minh Sát Tuệ, Lục diệu pháp môn** v.v...

Lục diệu pháp môn:

1) **Sở tức:** Hít vào đếm một, thở ra đếm hai hoặc cả vào ra đếm làm một. Chú tâm hơi đi tới đâu vào hay ra đều thấy rõ. Nhớ số từ một đến mươi không lộn. Hết mươi trở lại đếm một. Nếu giữa chừng quên số, bỏ đi đếm lại. Cột tâm theo số và hơi thở, không cho tâm lạc đi việc khác. Chú ý đừng đem hơi thở xuống rốn sanh mệt, hơi thở dài và nhẹ là tốt. Bao giờ thiền hàng giờ mà vẫn nhớ số là thành công.



2) **Tiến lên Tùy Tức. Bỏ đếm số.** Bao giờ chỉ còn thấy hơi thở ra vào không còn nghĩ gì khác là xong.

3) *Chỉ:* Xem hơi thở ra vào nơi mũi. Như người gác cổng nhận diện từng khách ra vào không để sót ai.

4) *Quán:* Chỉ lâu hay bị hôn trầm cần Quán để đối trị. Quan sát hơi thở mong manh tạm bợ, mạng sống xây dựng trên hơi thở chỉ là một chuỗi sanh diệt hư vọng. Thấy được lẽ thật này là Thấy Đạo. Hoặc quan sát: Không khí, phổi, tác động tâm lý, đủ ba duyên này mới có thở. Đã cần duyên mới có thì sự thở không thật. Mạng sống do đây rõ ràng là huyễn vọng. Giác tỉnh được như vậy là pháp quán đặc tuệ.

5) *Hoàn:* Quán nhiều sanh động nên xoay lại tìm xem tâm năng quán này ở



dâu? Tìm rốt ráo không thấy nó thì nǎng sở tự yên lặng.

6) *Tịnh*: Chỗ nǎng sở yên lặng này là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh bền bỉ lâu dài là xong xuôi phần tu Lục diệu pháp môn.

Thiền đốn ngộ, kiến tánh khởi tu, không đê mục, không phương pháp, không sở chứng sở đắc. Mê bản tâm là chúng sanh; ngộ bản tâm là Phật; không tu mà tu; không chứng mà chứng. Biết nơi mình có cái không sanh không diệt. Vì từ vô thủy mình cứ chạy theo những thứ sanh sanh diệt diệt nên tâm tạo nghiệp luân hồi. Nay không sống theo tâm phan duyên nữa. Y cứ vào căn bản Bồ-đề. Tâm sanh diệt dấy lên, không nối tiếp. Cổ đức nói: “Chớ sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chật” (Bất úy tham sân khởi, duy khung tự giác trì). **Thiền sư Vô**



Nghịệp suốt đời chỉ dùng một câu để trả lời các thiền khách: “Chớ vọng tưởng”.

Vào thiền khóa thì “tảo niệm” (quét sạch niệm). **Khi ra ngoài bắt buộc tiếp xúc sáu trần** thì **hàng quan sát các pháp duyên sanh** như huyền nê chẳng lưu tâm. Như người đi chợ qua bao cửa hàng, chen chúc bao người trong các đường nẻo. Về đến chùa, có người hỏi: “Đi chợ có thấy gì không?”. Đáp: “Không!”.

– Có phải thật không thấy gì đâu mà chỉ vì chẳng có gì đáng chú ý nên nói không thấy gì. Khi tiếp duyên xúc cảnh, người tu đã quá rõ vạn pháp hư vọng nên chẳng bận lòng. Tập khí vọng tưởng dấy lên cũng biết là vọng chẳng phải tâm mình, không theo, lâu ngày tự hết.

Hôn trầm nặng nề thì **chấn chỉnh thân, mở mắt to nhìn lên cao**. Nếu không hết



thì tự đặt câu hỏi: “Hôn trâm xuất phát từ chỗ nào?”. Theo dõi lùng tìm nó thì hôn trâm sẽ tan. Tán loạn mãnh liệt cũng tự đặt câu hỏi: “Vọng tưởng này từ đâu đến?”. Tìm kiếm một lúc nó sẽ hết. Hết hôn trâm tán loạn, trở lại “không theo niệm” như trước. Mã Tổ bảo: “Chỉ không cho trâu xâm phạm mạ của người là biết chăn trâu”. Con trâu là vọng tâm, chạy loạn vào lúa mạ là vọng theo sáu trần, dừng lại không theo là lôi mũi kéo về. Cứ thế mãi, giờ ngồi thiền chăn trâu, giờ công tác chăn trâu, dạo chơi, tiếp khách cũng chăn trâu... không loi lổng. Nên nói hái rau, chặt củi, nấu cơm v.v... đều là thiền. Chăn cho đến khi trâu không còn, người chăn cũng mất, đây là hoàn toàn an định. Thiền sư Lương Giới nghe Án Sơn nói: “Tôi thấy hai con trâu báng lộn nhau, chạy ùa



xuống sông đến nay không có tin tức". Sư liền đáp y đảnh lẽ.

Đến đây là ý nghiệp yên lặng, không còn lôi kéo vào luân hồi sanh tử nữa. Hàng Nhị thừa gọi là Niết-bàn. Đây là mục thứ tám trong mười bức chăn trâu, trâu và người chăn đã bắt chỉ còn vầng trăng trí tuệ tròn sáng. Kinh Pháp Hoa gọi đây là Hóa Thành. Thiền tông gọi là Tử Thủy (nước đã chết) hay đầu sào trăm trượng cần phải vượt qua. Bức tranh chăn trâu thứ chín là nhập Pháp-thân cũng gọi là nhập Phật giới. Bức thứ mười gọi là nhập ma giới, vẽ người tu xách xâu cá vào chợ, vì đủ khả năng hòa quang đồng trần làm lợi ích chúng sanh mới vẹn tròn công đức để thành Phật.

Trực ngộ bản tâm rồi tu thiền đốn ngộ là chủ yếu. Thiền sư Mã Tổ dạy Pháp



Thường: “Tức Tâm là Phật”. Thường tỏ ngộ, về núi Đại Mai cất am tu. Một thời gian sau, Mã Tổ cho người tới dạy: “Phi tâm phi Phật”. Thường đáp: “Mặc ông già phi tâm phi Phật, tôi chỉ biết tức tâm là Phật”. Mã Tổ khen: “Trái mai đã chín”. Đây là tin nhận mình có bản tâm là Phật tánh, chân thật chắc chắn không còn lay chuyển. Người này tu thiền đốn ngộ cũng có kết quả như người đã được diệu ngộ rồi mới khởi công tu.

Bình nhát tâm tưởng chúng ta lăng xăng. Đến khi chúng ta để ý nhìn lại nó thì nó mất dạng. Biết nó hư dối, nó liền không có khả năng lôi cuốn dẫn dắt chúng ta nữa. Nên Tổ Đạt Ma nghe Huệ Khả tuyên bố: “Con tìm tâm không được”, liền đáp: “Ta đã an tâm cho ông rồi”. Thời gian sau, Huệ Khả bạch: “Con đã bắt hết



các duyên”. Tổ cảnh cáo: “Coi chừng rơi vào đoạn diệt”. Huệ Khả thưa: “Rõ ràng thường biết. Nói không thể đến”. Tổ ấn chứng: “Đây là chỗ truyền của chư Phật, chờ có hoài nghi”. Có người học đạo đã thẩm hiểu được mình có chân tâm thường trú, biết rõ vọng tâm hư dối mà không dám hạ thủ công phu tiến tu chánh định. Cứ đợi bao giờ ngộ mới tu. Đó là đuổi theo ảo ảnh của danh từ ngộ. Đâu biết rằng tin chắc không nghi chân tánh thường trú ở khắp mười phương; ý thức được sự đọa dày trong vòng lục đạo; lại biết được đường lối tháo gỡ những gút mắc của muôn ngàn sợi dây nghiệp báo; đó là chúng ta đã có nền tảng vững chắc của đạo giác ngộ giải thoát.



Nghiệp

Ngài Hộ Tông dịch từ chữ Pali
Phật giáo Nguyên Thủy

Nghiệp là hành động cho đến sự phản ứng hoặc kết quả dội lại của hành động.

1/- Nghiệp hằng phân chia chúng sanh thành các loại sang hèn cao thấp khác nhau.

2/- Gieo giống nào thọ quả ấy. Nghiệp lành được quả vui, nghiệp dữ chịu quả khổ.

3/- Phước tội đã làm từ trước là nhân. Nay thọ vui hay khổ gọi là mãn



nghiệp, nghĩa là hưởng lãi hoặc trả nợ.

- 4/- Mau mau gấp gấp tận tụy làm lành, kĩ lưỡng phòng tâm ngừa thoát nghiệp ác. Vì tâm không đi đường lành ắt quay về ưa thích đường dữ.**
- 5/- Lỡ lầm không nên tái phạm, chớ ưa thích tội lỗi. Chứa tội là nhân quyết định chiêu vời quả khổ.**
- 6/- Đã tạo phước nên hằng thường tạo phước. Đem tâm về ưa thích phước nghiệp vì đây là thắng nhân chiêu vời quả vui.**
- 7/- Người làm quấy thường thấy quấy là phải cho đến khi cái khổ đâm mộng nảy chồi thành quả báo hắn hòi, họ mới tỉnh ngộ.**



- 8/- Người làm lành số đông không biết
chỗ cao quý của nghiệp lành. Phải
đợi quả vui rõ rệt họ mới thấy lợi
ích tốt đẹp.**
- 9/- Chớ si mê coi thường tội nhỏ. Giọt
nước chứa mãi sẽ đầy chum.**
- 10/- Người trí tuệ không coi thường
phước nhỏ. Cây một, cây một, góp
mãi thành rừng.**
- 11/- Thận trọng tránh ác như người ham
sống sợ thuốc độc, như đoàn lái buôn,
đã mang nhiều của lại ít người, sợ
hãi những con đường hiểm.**
- 12/- Tay không vết thương có thể cầm
thuốc độc.**
- Người thanh tịnh không sợ khổ quả.**
- 13/- Người bị sỉ nhục mà tâm vẫn an
bình, thân miêng thanh lặng như gò**



dất. Ai muốn làm hại vị này là kẻ si mê mong ném bụi ngược gió.

- 14/- Độc ác sa địa ngục, dâm dục vào thai bào; nghiệp thiện đưa lên cõi trời hưởng nhàn cảnh. Các bậc Thánh đã sạch phiền não nhập Niết-bàn.**
- 15/- Lên cùng tận hư không, lánh ra giữa biển cả, ẩn mình trong kẹt núi, chạy vòng quanh địa cầu, không có một nơi nào có thể trốn thoát nghiệp ác.**
- 16/- Lên trời, ra biển, vào núi... Người trú ngụ trên địa cầu tìm một chỗ mà sự chết không đòn áp, chẳng có đâu!**
- 17/- Chúng sanh nào cũng mong cầu an vui. Cầu hạnh phúc cho mình bằng cách làm hại kẻ khác dù chỉ một khúc cây. Người này chết rồi hằng chẳng an vui.**



- 18/- **Chúng sanh nào cũng mong cầu an vui. Cầu hạnh phúc cho mình bằng cách không làm hại kẻ khác dù chỉ một khúc cây. Người này chết rồi thường được an vui.**
- 19/- **Những kẻ si mê tạo ác thường không tự giác. Người kém trí tuệ hăng nóng nảy như bị lửa thiêu. Đây là lửa nghiệp của chính mình.**
- 20/- **Dùng thế lực hại bậc kiên nhẫn không đáp oán sẽ bị một trong mười biến cố:**
1. **Cực khổ.**
 2. **Nghèo cùng.**
 3. **Hư thân.**
 4. **Bệnh nặng.**
 5. **Loạn trí.**
 6. **Nạn vua.**



7. Bị giết.

8. Gia đình tan nát.

9. Sự nghiệp tan vỡ.

10. Cháy nhà.

**Những người kém trí tuệ thường đi
về địa ngục.**

**21/- Tâm dẫn đường, tâm là chủ, tâm
thành tựu. Nói hay làm theo tâm ác,
thì sự khổ hằng theo, như bánh xe
lăn theo bước chân con bò.**

**22/- Tâm dẫn đường, tâm là chủ, tâm
thành tựu. Nói hay làm theo tâm
trong sáng, thì sự vui hằng theo như
bóng theo hình.**

**23/- Người tạo ác nghiệp, hiện đời đau
khổ, kiếp sau đau khổ, hằng sâu não
rên rỉ.**

- 
- 24/- **Người tạo phước nghiệp, hiện đời hoan hỷ, kiếp sau hoan hỷ, hằng hân hoan khoái lạc.**
 - 25/- **Nghiệp xấu và vô ích dễ vương.**
Nghiệp hay và lợi ích khó tập.
 - 26/- **Người lành dễ tạo nghiệp lành, kẻ ác khó tập nghiệp lành; người ác dễ tạo nghiệp ác, các bậc Thánh nhân chẳng thể làm việc ác.**
 - 27/- **Người thợ ước mong có nhiều hoa để làm tràng hoa bán được nhiều tiền như thế nào, thì con người ở trong đời cũng cần ước mong tạo nhiều phước nghiệp như thế.**
 - 28/- **Chớ có giết hại, vì chính người hay giết hại hằng bị rên la.**
 - 29/- **Trí thức thấp hèn, ác tâm làm dữ, sẽ chịu quả chua cay.**



- 30/- Kẻ kia mặt ẩm ướt những nước mắt,
miệng rên rỉ khóc la. Nghiệp họ đã
tạo chẳng phải nghiệp lành!
- 31/- Người kia vui vẻ tươi cười, nghiệp
xưa của họ là từ thiện tâm.
- 32/- Si mê làm tội như uống mật ong.
Đến khi chịu quả báo mới biết tội
lỗi là khổ đắng.
- 33/- Si mê thích ác tưởng như uống sữa
tươi, đâu biết tâm địa đang bị nghiệp
ác vùi dập, như lửa bị tro chôn lấp.
- 34/- Người sẽ là bậc cao quý nếu đã tập
bốn nghiệp:
1. Chăm diệt ác.
 2. Chuyên phạm hạnh.
 3. Tịnh ba nghiệp.
 4. Tự cải hóa.



- 35/- Nơi kín đáo của người làm tội chẳng bao giờ có, chẳng ở đâu có. Kẻ si mê tưởng trong rừng rậm có chỗ kín.**
- 36/- Không bạn quý nào giá trị bằng học đạo, không thù địch nào tai hại hơn bệnh tật, chúng sanh chẳng thương ai bằng yêu mình. Thế lực mạnh nhất không chi hơn nghiệp.**
- 37/- Mưa ơi! Biển cả đầy nước rồi, xin hãy đổ xuống nơi khô héo này đi! Lợi ơi! Nhà giàu kia chan chứa bạc tiền rồi, xin hãy tới đây nơi nghèo cùng kiệt quệ! Nhưng mong mỏi nguyện cầu đâu có chuyểnlay được sự an bài của nghiệp lực.**
- 38/- Kẻ thấp hèn chủ trương: “Bất cứ chi chi cũng do nhân trước”, vì thế biếng lười. Người trí tuệ bền chí kiên nhẫn tinh tấn làm tất cả công việc. Rồi**



**thành hay bại, không mừng không
lo, vì biết trong đây có nghiệp lực
an bài.**



**Khi ấy đức Thế Tôn ngự ở gần thành
Xá Vệ trong tinh xá Cấp Cô Độc, giảng về
nhân quả ở trong loài người:**

**1)- Thiếu lòng từ mãn, sát sanh hại vật,
sau khi chết đi về ác đạo hoặc tái
sanh làm người chết non.**

**Tâm từ bi lợi người lợi vật là pháp
hành đưa đến sống lâu.**

**2)- Hành hạ đánh đập chúng sanh là
pháp hành đưa đến bệnh hoạn.**

**3)- Nóng giận cáu kỉnh là pháp hành
đưa đến dung mạo xấu xí.**

**Hoan hỷ dễ tha thứ là pháp hành
đưa đến dung mạo xinh đẹp.**

Ganh tị là pháp hành đưa đến thấp hèn ít quyền thế.

Bá thí là pháp hành đưa đến phú quý.

Keo sén là pháp hành đưa đến nghèo túng.

Chăm học hỏi là pháp hành đưa đến có trí tuệ.

Kiêu mạn là pháp hành đưa đến sinh vào dòng dõi hèn.

Cung kính bậc trên là pháp hành đưa đến sinh vào quý tộc.

Nghiệp đen thì kết quả đen, như cực ác thì vào địa ngục.

Nghiệp trắng thì kết quả trắng, như tu mười thiện thì lên trời.

Nghiệp đen lẩn trắng kết quả khổ lẩn vui thì làm người.



Nghiệp không đen không trắng tức là bậc không tạo nghiệp.



Hai Thanh-văn đệ tử đức tin ngang nhau. Một vị được vật dụng như pháp rồi đem dâng đến các Tỳ-kheo khác. Còn vị kia thản nhiên. Hai vị này thác rồi cùng sinh lên cõi trời nhưng vị ham bố thí được năm quả báo sống lâu, sắc đẹp, an vui, cao sang, quyền thế, hơn bạn đồng hành nhiều.

Phật kết luận: Chớ nên lãnh đậm trong phước nghiệp.



- Tên Punna làm tôi mọi cho một nhà giàu. Vợ đem cơm ra đồng cho chồng, chởt gắp Đại đức Xá Lợi Phất, bèn đem tất cả kính dâng Ngài ngọ trai. Khi cô thuật lại



cho chồng biết việc cúng cơm này, anh ta mừng quýnh, trở ra cày ruộng nữa. Mũi cày xốc đất tới đâu bửa ra toàn vàng. Theo pháp luật nhà nước, anh trình lên quan; quan tâu lên vua. Vua sai lính đến chở vàng. Về tối cung vua, vàng lại biến thành đất. Vua biết đây là phước dành riêng cho Punna nên bắt buộc nhà giàu kia phải để cho vợ chồng anh hưởng.

Tên Nanda đã 50 năm làm nghề làm thịt bò bán, nên thịt bò là món ăn hằng ngày của anh ta. Một hôm vợ bán đất hàng, không còn dư để cho anh ta ăn cơm. Anh liền cầm dao ra cắt lưỡi một con bò sống, bảo vợ đem nướng để dùng tạm cho qua bữa. Miếng ăn vừa tới bao tử, anh lăn lộn la khóc, lúc chết anh rống lên như tiếng bò, sinh vào Vô gián địa ngục.



Hoàng tử Kumara đi đến vườn Ngự Uyển, thấy dân chúng cung kính cúng dàng một vị Bích Chi Phật. Hoàng tử giựt bát, đổ thực phẩm xuống đất nói rằng: “Giận ta, làm gì được ta”. Ngay lúc ấy, khắp thân thể hoàng tử phát nóng, miệng khô khao, bao nhiêu nước cũng không đỡ khát. Hoàng tử chết đọa vào địa ngục.

– Trên đây là những nghiệp nặng cho quả báo hiện tiền. Dưới đây là những nghiệp nhẹ hơn kết quả trong đời sống kế tiếp:

Đắc thiền không dứt, chết quả quyết sanh về Phạm thiên. Bá thí, trì giới v.v... các nghiệp lành khi chết cũng sanh về cõi trời. Nhưng không nhất quyết, vì có người còn phải sa vào ác đạo trước rồi mới được lên trời. Còn nhẹ hơn nữa là những thiện ác cho quả về các kiếp sau và sau nữa,



không nhất định thời kỳ nào. Nếu chưa đắc A-la-hán đạo, chưa đoạn tuyệt phiền não luân hồi, thì nghiệp này còn theo mãi, chẳng một ai thoát, chỉ có điều là sớm muộn không nhất định, hễ đủ nhân duyên thì quả báo hiện hành.

– Ngũ nghịch đại tội, người nào phạm cả năm, một tội đã kết quả thì bốn tội kia ngưng cho quả. Cũng thế hành giả quyết tâm hành thiền thuần thực, từ bốn thiền hữu sắc đến bốn thiền vô sắc, thác rồi sinh về Phạm thiên, khi thiền cao nhất đã cho quả, thì các thiền thấp hơn không cho quả.

– Nếu có nghiệp lành mạnh hơn thì ác chưa cho quả, khi thiện giảm sức, ác mới có chủ quyền. Ngược lại cũng thế, ác mạnh hơn thì thiện chưa cho quả.



a) **Sinh nghiệp dẫn đi thọ sanh** (như mẹ đẻ).
b) **Dưỡng nghiệp giúp sự sinh sống** (như vú nuô i), nếu là nghiệp lành thì phá tiêu tai nạn, trợ giúp tiền của, tăng gia thanh thế v.v... Như có gia đình từ ngày sinh con làm ăn phát đạt, vợ chồng vui hòa. Có gia đình từ ngày sinh con vợ chồng phân cách, tiền của suy giảm đến khốn cùng. Đây là nghiệp lành, nghiệp ác của đứa bé khởi hiện hành.

c) **Áp chế nghiệp: Hoàng tử Suna** vui ưa Phật pháp xuất gia hành thiền được thiền nhän thông. Ba năm qua không tiến thêm chút gì, khởi tâm chán nản, hoàn tục, theo ngoại đạo, báng Phật pháp, khi chết đọa địa ngục. Đây là nghiệp ác đến áp chế thiện nghiệp.

Anh Vata làm đao phủ, có phận sự giết những kẻ cướp. Một hôm dặn vợ ở nhà



nấu cơm sữa, còn anh đi tắm rửa. Từ ao tắm về nhà gặp Đại đức Xá Lợi Phất đi trì bình, mừng rõ anh thỉnh về nhà dâng cơm sữa. Đại đức thọ trai xong, chúc nguyện rồi về chùa. Anh sung sướng theo đưa. Giữa đường về anh bị bò bất chợt húc chết. Anh được sinh lên cõi trời. Đây là nghiệp thiện đến áp chế nghiệp ác.

Đời Phật Ca Diếp, có một Tỳ-kheo tu phạm hạnh hai vạn năm. Một hôm, ngồi trên thuyền, ngài nắm lá dừa ở ven bờ. Thuyền đi, lá bị đứt, ngài quên sám hối. Khi sắp chết, chợt nhớ tới, mong sám hối như luật, nhưng không có Tỳ-kheo chứng minh. Do đây tâm sinh bồn chồn lo ngại mà phải sanh làm Long vương. Đây là nghiệp ác đến cắt đứt nghiệp lành.

Một thợ săn về già theo con đi tu, tham thiền mà không kết quả. Ông con là Tỳ-



kheo thấy bố sắp chết, tìm phương tiện cho cha thoát khổ cảnh, mới sắm các lỗ vật để trên giường ngay trước mắt cha, khuyên cha đem lỗ vật ấy cúng tháp. Ông bố vui mừng. Ngay lúc ấy tắt hơi và sanh thiên. Đây là nghiệp ác bị nghiệp lành cắt đứt.



Người tạo lỗ lòn nghiệp nặng và nhẹ. Nghiệp nặng vẫn cho quả trước như các đồ vật rơi từ trên cao, thứ nặng dĩ nhiên tới đất trước. Nghiệp dữ đưa về khổ cảnh, nghiệp lành đưa về nhàn cảnh:

– Tiên thân Phật Thích Ca là một đạo sĩ ở Tuyết Sơn đã được tám thiền, nhân có việc về kinh đô; nhà vua cảm mến oai nghi của Ngài, thỉnh về vườn Ngự Uyển và hàng ngày cúng ngọ trai. Chợt biến thùy có giặc, vua đi viễn chinh. Đạo sĩ bị đứt



giới với hoàng hậu. Khi vua trở về, đạo sĩ thú tội. Vua tha thứ và khuyên hành đạo như cũ. Đạo sĩ đắc thiền, tạ từ vua, bay lên hư không thẳng về Tuyết Sơn.

Vì hành thiền không dứt nên khi thác, đạo sĩ sanh về Phạm thiên. Đây là nghiệp lành mạnh mẽ.



Nghiệp thường (hằng quen làm): Tên Cunada giết heo nuôi mạng đã lâu năm. Bỗng nhiên hắn la như heo bò, lăn lộn trong nhà. Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo rằng: Người quen tạo nghiệp ác, hiện đời than van rên rỉ, chết càng đau khổ, kiếp sau còn khổ hơn.

Trưởng giả Cấp Cô Độc gia thế dần dần sa sút, chỉ còn một cô gái nghèo đến nỗi phải đi làm công hàng ngày. Nhưng



vẫn không bỏ thói quen hàng ngày để bát một vị Sư. Vua hay tin, thỉnh cô vào cung, phong làm hoàng hậu. Cô bấy giờ thỏa mãn tâm cúng dàng. Kiếp sau cô về cõi trời.

Nghịệp gần chết. Cửa chuồng vừa mở, bò nào đứng ngay cửa, dù già yếu bao nhiêu, cũng ra trước các con bò khác (dù có sức lực hơn). Giờ hấp hối, nghiệp lành nào hiện hành liền cho quả ngay. Có kẻ nghĩ rằng: Khỏi mất công vất vả làm lành, cứ đợi lúc hấp hối, chỉ cần nghĩ đến việc lành là sinh thiên. Đáp: Dù đã chan chứa một đời thánh thiện, nếu không lưu tâm nghĩ đến mỗi ngày cho thành thói quen, thì khi hấp hối khó lòng mà tưởng đến. Bởi vì tâm phan duyên theo sáu căn mà tính toán với sáu trần, tình ái, của cải, thế sự xâm chiếm cả tâm hồn, đâu còn chỗ để



cho tâm niệm đạo đức hiện hành. Vì thế mà người sa ác đạo nhiều như đất trên đại địa. Còn người trở lại làm người ít như bụi trên đầu ngón tay. Huống chi nhỡ đến giải thoát thì thật là khó trong ức triệu sự khó.

Nghiệp tạo lúc vô tâm, không nhất định thời kỳ cho quả. Như người bắn tên vu vơ không định bắn vào đâu. Vì thờ ơ nên mũi tên không có sức mạnh.



Văn kinh: “**Người đời tạo nghiệp bất chánh vì si mê, như người ở trong rừng không biết lối ra. Nghiệp đã thành rồi rất khó sửa**”. Đức Phật hằng lặp đi lặp lại cho chúng ta tin chắc rằng:

1. Chỉ có nghiệp là của ta.
2. Ta là thọ quả của nghiệp.



3. Nghiệp là mẹ sanh ra ta.
4. Nghiệp là huyết thống của ta.
5. Ta nương tựa vào nghiệp.
6. Ta phải chịu quả của nghiệp mà ta
đã tạo.

Hằng nhớ nghĩ vui khổ hiện tại của ta là do những nghiệp chánh hay bất chánh đã cảm quả ra. Hằng nhớ nghĩ để dừng cầu thả quên rằng những hành động trong kiếp này của chúng ta sẽ có quả báo. Kẻ ngu độn quả quyết tin rằng vui hay khổ là do kẻ khác hoặc cảnh ngoài đưa đến. Cho nên họ tham, họ giận, họ càng tạo nghiệp, để phải chịu quả khổ mãi mãi.

Vi thế không nên ngãm nghĩ tìm cầu tốt xấu ở nơi nào khác, ở người nào khác, ngoài mình.



Đức tin, hướng thiện, từ bi, chánh pháp, chân thật v.v... phải phát huy ở ngay nơi mình. Chính mình phải tự xây dựng.

Nếu mọi người giúp đỡ lẫn nhau để phát triển các đức tính thì trong gia đình ngoài xã hội cùng thịnh đạt. Lo gì thế giới chẳng an cư lạc nghiệp.



Phương Pháp

TÂY NGHIỆP

**Tại thành Rajagaha, chú bé La Hầu La
đang học bổ túc Sa-môn pháp ở dinh thự
Balatthi.**

**Đức Thế Tôn từ Trúc Lâm tinh xá tới
thăm. Thấy Phật tới, bé vội trải chõ ngồi
và dâng chậu nước rửa chân. Rửa chân
xong, đức Phật an tọa, phán hỏi: Này La
Hầu La! Con thấy nước nhơ bẩn trong
chậu này không?**

– Dạ thấy!

– Pháp Sa-môn là sự không hổ thẹn của người rất hiếm có, đối với giới điều không nói dối.

Đức Thế Tôn đỗ nước đi rồi phán hỏi:
Này La Hầu La! Con đã thấy nước nhơ đỗ bỏ đi chưa?

– Dạ thấy!

– Pháp Sa-môn là sự không hổ thẹn của người đã vứt bỏ tật nói dối.

Thế Tôn lật úp chậu rồi lại hỏi: Ngày La Hầu La! Con có thấy chậu úp không?

– Dạ thấy!

– Pháp Sa-môn là sự không hổ thẹn của người đã úp chặt, từ chối không chịu chứa đựng tật nói dối nữa.

Thế Tôn lật ngửa chậu hỏi: Ngày La Hầu La! Con có thấy chậu trống rỗng không?

– Dạ thấy.



– Pháp Sa-môn là sự không hổ thẹn của người đã hoàn toàn trong suốt (tật nói dối đã thật hết). **Này La Hầu La! Không hổ thẹn, cứ cố tâm nói dối không chừa là nghiệp ác.** Ngày La Hầu La, con voi ra trận, nếu chỉ dùng hai chân trước, hoặc chỉ dùng đôi ngà, hoặc chỉ dùng cái vòi v.v... nghĩa là chỉ dùng một bộ phận nào của thân để đánh phá quân địch thì Nài voi chưa hài lòng. Voi chiến phải xung toàn thân vào trận đấu mới là hy sinh tánh mạng cho vua. **Này La Hầu La!** Con phải tự chế phục, tự chuyển hóa, quyết định từ nay cả ba nghiệp thân miệng ý hoàn toàn không dối trá dù trong bông đùa cười giỡn.

Này La Hầu La! Con nên hiểu yếu điểm của điều này: Con có biết gương dùng để làm gì không?



– Bạch Thế Tôn! Để tự soi chiếu! Tự thấy mình!

– Nay La Hầu La! Nghiệp đáng cho Ta chú ý! Phải soi chiếu, phải kiểm điểm thật kỹ thân miệng ý rồi mới hành động.

Thân nghiệp. Nay La Hầu La! Trước khi cử động con hãy xét kỹ. Việc này nếu có hại cho mình, có hại cho kẻ khác, hoặc có hại cả cho mình cho kẻ khác thì thân nghiệp này là ác, rốt cuộc sẽ chiêu vời quả khổ. Thấy rõ như thế, biết rõ như thế thì tuyệt nhiên con chớ đem thân làm việc ấy.

Nay La Hầu La! Nếu đã xét kỹ biết thân làm việc này không hại ta, không hại người, ta người đều không hại. Đây là thân nghiệp lành, kết quả sẽ an vui. Nay La Hầu La! Con nên hành thân nghiệp ấy! Con phải tập thân nghiệp như vậy.



Này La Hầu La! Các bậc hiểu biết cao siêu hằng đem giáo pháp này nói khắp trong hàng phạm hạnh, để đánh thức quần chúng, ai nấy tự kiềm thúc, tự răn chế.

Này La Hầu La! Nếu con thật đã nhận được thân nghiệp lành sẽ đưa đến quả vui là đúng, thì ngày đêm con nên vui tu thiện pháp ấy.

Khổ nghiệp, ý nghiệp. Nguyên văn như ở thân nghiệp.

Này La Hầu La! Quá khứ, hiện tại, vị lai các Sa-môn, các Bà-la-môn, đều quan sát chiêm nghiệm tẩy rửa ba nghiệp thân miệng ý như vậy. Con cũng phải tập học như thế cho bằng được.

Kinh

MƯỜI THIỆN NGHIỆP

Tại làng Sàla, Phật nói kinh Sàleyyaka
Sutta Majjhima Nikàya Mùlapannàsaka:

- A -

I/- **Thân nghiệp bất chánh có 3:**

1. **Sát sanh không hổ thẹn tội lõi, không lòng từ bi đối với các hàm thức.**
2. **Trộm cắp dù vật ở trong nhà hay trong rừng.**
3. **Tà dâm.**



II/- Khẩu nghiệp bất chánh có 4:

1. Trong quyền thuộc hay ngoài xã hội, tại quân binh hay giữa tòa án, có nói không, không nói có v.v... nói lời không thật.
2. Nghe bên này đến nói bên kia với ý định khiến người chia rẽ, xúi giục cho sinh bất hòa.
3. Lời nói thô lỗ độc ác khiến người phiền khổ bức tức.
4. Lời nói vô ích, không hợp thời, lông bông, thêu dệt thêm bớt.

III/- Ý nghiệp bất chánh có 3:

1. Tham tiền bạc và các vật dụng, mắt nhìn chăm chú lòng ước mình có.



2. Giận tức oán thù, mõng nghī
hãm hại.
3. Tà kiến, không tin nhân quả
v.v...

Do mười ác nghiệp này chúng sanh
đi về khổ cảnh. Trái lại là mười chánh
nghiệp đưa về nhàn cảnh.

- B -

Người tu mười thiện với chí nguyện
kiếp sau sẽ được làm vua. Người này sẽ
được như ý vì, trên thực tế, ai hành chánh
nghiệp sẽ được như mong muốn. Người
tu mười thiện với chí nguyện kiếp sau
sẽ được lên trời. Người này sẽ được như
ý vì, trên thực tế, ai hành chánh nghiệp
sẽ được như mong muốn. Người tu mười
thiện với chí nguyện được tân giải thoát,
trí tuệ giải thoát. Người này sẽ được như



ý vì, trên thực tế, ai hành chánh nghiệp
nhất quyết sẽ được như ý.



Này các Tỳ-kheo! Chúng sanh có sự vừa lòng, có hy vọng rằng: Các pháp ta không ưa hay tiêu đi, các pháp nên nương tựa hài lòng phấn khởi hãy càng tiến triển.

Này các Tỳ-kheo! Khi chúng sanh mong mỏi như vậy thì các pháp không ưa lại càng phát triển mà các pháp ưa thích lại càng mòn mỏi.

Này các Tỳ-kheo! Phàm nhân không được nghe, không được thấy các bậc Thánh; không đủ sáng trí không tu tập được ở trong Thánh pháp. Phàm nhân không được thấy các hàng thanh tịnh; không đủ thông minh không tu tập được ở trong tịnh pháp. Cho nên không hiểu



không biết pháp nào nên nương, pháp nào nên thân cận, pháp nào nên xa lìa. Vì thế các pháp không vừa lòng tăng gia trong khi chỗ ước mong càng tan vỡ.

Này các Tỳ-kheo! Thanh-văn đã được nghe, đã được thấy các bậc Thánh nhân, đã đủ sáng trí và được huấn luyện chánh đáng trong Thánh pháp. Thanh-văn đã được thấy các bậc thanh tịnh, đã thông hiểu và đã tập luyện tịnh pháp. Cho nên hiểu rõ biết rõ pháp nào nên nương nên thân cận. Vì thế các pháp không vừa lòng tiêu tan trong khi chỗ ước mong ngày càng tiến triển.

Này các Tỳ-kheo! Có pháp chỉ tạo:

1. Nghiệp khổ và kết quả khổ.
2. Nghiệp vui và kết quả khổ.



3. Nghiệp khổ và kết quả vui.

4. Nghiệp vui và kết quả vui.

1) Nay các Tỳ-kheo! Những người đang ở hoàn cảnh khổ sở buồn rầu mà họ vẫn tiếp tục mười nghiệp ác nên lâm chung họ bị sa vào khổ cảnh nặng nề hơn.

2) Nay các Tỳ-kheo! Những người đang ở hoàn cảnh vui vẻ, quả báo của thiện nghiệp quá khứ nhưng hiện tại họ lại sống theo mười ác nghiệp nên họ sẽ chịu khổ cảnh ngày mai.

3) Nay các Tỳ-kheo! Những người đang khổ sở buồn rầu, quả báo của ác nghiệp quá khứ, nhưng hiện tại họ được gặp thiện tri thức dạy tu mười thiện nghiệp nên họ đang đi về cảnh vui.

4) Nay các Tỳ-kheo! Những người đang ở cảnh vui, quả báo của mười thiện nghiệp



quá khứ, lại vẫn tiếp tục tu mười thiện nghiệp. Những người này từ sáng vào sáng, từ vui vào vui.

Thí dụ:

1. Có cái bầu nước đựng thuốc độc để ở nơi kia. Một người ham sống sợ chết, mong vui ghét khổ đi đến, không tìm xem xét kỹ bầu nước. Gặp là uống nên chịu khổ liên tiếp.

2. Có cái bát bằng bạc đựng thuốc độc. Có người không xem xét kỹ, uống vào không mửa ra được, nên cũng sẽ chịu khổ như ai.

3. Có một bát nước tiểu pha nhiều vị thuốc. Một người nghèo khổ gầy ốm được thiện tri thức từ tâm dạy cho biết nước tiểu có thuốc. Anh ta xem xét kỹ rồi vui uống nên hết bệnh.



**4. Sữa bò đặc pha mật ong nước mía.
Một người khỏe mạnh uống vào được
khỏe mạnh thêm.**

Này các Tỳ-kheo! Mùa mưa vừa chấm
dứt. Trời hết âm u. Mặt trời rực rõ giữa
hư không chói lợi thế nào thì mười thiện
nghiệp cũng quang đãng sáng chói uy linh
rực rõ như thế!

Phước lành hằng chờ đón rước người
tu mười thiện nghiệp, đem cho mười quà
biếu:

- Tuổi trời: 100 năm cõi người chỉ là
một ngày một đêm trên Dao Lợi.**
- Sắc trời: Màu sắc hào quang vi diệu.**
- Hạnh phúc: Thân tâm an ổn.**
- Ngôi vị tước phong, quyền thuộc vây
quanh hầu hạ, mọi sự như ý.**



- **Sự cao sang mãi mãi cho đến hết trời**.
- **Thân trời: Không già, không bệnh, không thay đổi.**
- **Âm thanh du dương dịu dàng.**
- **Mùi thơm cõi trời vi diệu.**
- **Vị trời: Các món ăn hợp ý chiều miệng lưỡi.**
- **Xúc trời: Chỗ ở, vật dụng mỗi mỗi êm dịu.**



Kinh

Dhammapala Jàtaka

Trong quá khứ có một phồ-hệ Bà-la-môn, từ gia chủ đến tôi tớ đều thọ trì mười thiện, bát quan trai và bá thí trì giới. Tiền thân đức Thích Ca giáng sinh làm con trai trong dòng họ ấy, tên là Đa.

Đa là học trò giỏi nhất của một vị giáo sư ở đô thành Takkasila. Bất hạnh con của giáo sư chết. Tất cả gia đình và môn đệ đều buồn rầu rên xiết. Riêng Đa hết sức ngạc nhiên nói rằng phồ hệ của Đa không bao giờ có người chết trẻ, chỉ người già yếu lăm mới chết. Ông giáo sư giao



phó học trò cho Đa dạy đỡ, còn mình thì sửa soạn đi xa một chuyến giải sâu.

Ông giáo sư đến thẳng nhà Đa, báo tin cho ông bố biết Đa đã mệnh chung. Ông trình bày một bộ xương dê để làm tin. Bố Đa cũng như cả nhà Đa bình tĩnh đáp: “Chắc chắn con tôi chưa chết. Vì trong phổi hệ tôi đã bảy đời rồi chưa từng có một ai chết trẻ. Bởi vì chúng tôi không nói dối, chúng tôi tu mười thiện, chừa bỏ mười ác. Nhờ ân huệ pháp ủng hộ người thực hành nên toàn thể chúng tôi không bệnh, không chết non. Thật vậy pháp hằng phù trợ người hành pháp. Pháp hằng đem hạnh phúc đến cho người thực hành chánh đáng. Người này hằng đi đến nhàn cảnh. Pháp như dù to che mưa nên thẳng Đa của chúng tôi quyết định vẫn an ổn”.

Ông giáo sư nói rõ lý do: Ông tới để điều tra cho biết, Đa một học trò ông rất tin quý có nói dối không. Lần du lịch này đã đem phước lợi cho ông. Ông học thuộc pháp của phổ hệ Đa. Xong từ biệt trở về thành Takkasila.



Mười hai NHÂN DUYÊN



Đức Thế Tôn vừa giác ngộ. Ngài quan sát 12 duyên khởi rồi tuyên bố:

Lúc nào các pháp rõ rệt đến, Bà-lamôn, ngươi cố nhìn chăm chăm, liền thấu triệt ý nghĩa các pháp nương nhau mà có.

Lúc nào các pháp rõ rệt đến, Bà-lamôn, ngươi cố nhìn chăm chăm, do thấy rõ, dứt duyên.

Lúc nào các pháp rõ rệt đến, Bà-lamôn, ngươi cố nhìn chăm chăm, trừ diệt ma quân và được chói lợi rạng ngời.



1- Vô minh duyên hành. Vô minh là rẽ cái, nơi dựa của tất cả nghiệp, dẫn chúng sanh về khổ cảnh.

- Địa ngục ở giữa Sa Bà thế giới tên là Lokantanaraka rộng 80.000 do tuần, phía dưới không có đất, không bao giờ có ánh sáng. Chúng sanh treo chân đảo ngược, hẽ gắp nhau liền bám vào nhau mà cấu xé, lấy đồng loại làm món ăn. Rồi rơi vào trong nước acid, thân bị đứt từng đoạn bị sức lạnh tiêu diệt.

2- Hành duyên thức: Kalakanjikasura lén ăn thực phẩm dành để cúng Tăng. Người có giếng bá thí nước thì ngăn đường chặn nẻo không cho người tới dùng, chết đọa địa ngục rất lâu. Sau làm ngã quỷ đã hai, ba đời Phật mà chưa từng được ném một giọt nước. Một hôm gấp 30 vị Tỳ-kheo ở bờ sông. Quỷ than cứ bước vào nước thì

nước bốc thành lửa đỏ. 30 vị Tỳ-kheo bảo quỷ nằm xuống, dùng 30 cái bát múc nước đổ vào miệng quỷ. Suốt từ sớm đến giờ đi khất thực mà quỷ vẫn bạch: “Tôi chẳng được giọt nước nào vào cổ cả”.

3- Thức duyên danh sắc: Thức ác dẫn đến khổ cảnh. Thức thiện đưa về nhàn cảnh có thân hình xinh đẹp. Một cận sự nam Mahavacaka cần chuyên hành pháp Sa-môn 50 năm (đây là thức lành). Vì không đắc quả, thoái tâm bỏ không hành pháp nữa, nói đây không phải là pháp giải thoát. Khi chết làm cá sấu. Khi thức ác dẫn đi làm thú rồi thành danh và sắc của thú. Danh và sắc nương thức hư hỏng rồi không thể tạo nghiệp lành được. Trừ khi nào thức lành mới có khả năng làm lành. Nếu đã làm lành quả quyết sẽ được thọ sanh trong nhàn cảnh.



4- Danh sắc duyên lục nhập. Lục nhập: Căn trần duyên nhau trong nẻo luân hồi không cùng tận. Người đời từ sáng sớm mở mắt đến tối nhắm mắt ngủ, sáu căn tiếp xúc toàn những duyên đưa về luân hồi nguy hiểm. Nhưng nếu gặp hình ảnh Phật Pháp Tăng, phát tâm trong sạch hoan hỷ tạo nghiệp lành đem mình về nhàn cảnh kiếp này và kiếp sau.

5- Lục nhập duyên xúc. Xúc lành. Mắt thấy sắc rồi xác định nghĩa vô thường, vô ngã, khổ và không. Như người xem kịch rồi nhận thức được đây chỉ là trò chơi nhảm gạt người cho quên mình, quên chết, quên già, đến nỗi lâm lạc vui thích thật. Thấy được như thế là xúc của tâm sở lành.

6-7-8- Xúc duyên thọ. Thọ duyên ái. Ái duyên thủ. Một triệu phú gia trồm một đám mía rất vừa ý, lâm chung sinh vào



tổ kiến trong cây mía. Đây do tâm chấp vững trong vật dục. Chú giải Pháp Cú Kinh kể chuyện một vị Tỳ-kheo có tâm dính mắc tấm y, chết làm con rận bám trong lá y. Lại một Tỳ-kheo đi khất thực thấy một thiếu nữ, theo thế lực của phiền não dục dính chặt trong tâm, tính chuyện hoàn tục. Bất ngờ cô gái trúng gió chết. Tỳ-kheo phiền não cũng chết. Đây là dục thủ. Phiền não ma như lưới. Chim mắc lưới khó bay thoát. Chúng sanh mắc trong lưới phiền não cũng khó thoát như vậy.

9- Thủ duyên hữu. Tiền kiếp ngài Mục Kiền Liên vì nghe lời vợ đem mẹ vào rừng đập chết nên đọa địa ngục.

Quá khứ có hai Tỳ-kheo thân nhau không lúc nào rời. Hai Tỳ-kheo rủ nhau đi dự lễ Tự Tứ. Giữa đường, vị nhỏ xin phép vào cụm rừng đi đại tiện. Lúc trở ra



có một cô gái theo sau, tay xốc xếch mặc quần. Thầy Tỳ-kheo lớn trông thấy rõ ràng rồi thì cô gái lẩn vào đám cây rậm rạp. Vị lớn quở trách, vị nhỏ chối không. Hai vị quyết định từ nay không gần nhau nữa. Nhưng giữa chánh điện, một người trời hiện thân, phát lộ sự nghịch ngợm của mình, đã giả làm cô gái đi phía sau ông Tỳ-kheo từ cụm rừng ra, với ý định chọc cho hai ông phải xa lìa nhau. Nay trò chơi đã mãn xin hiện thân để minh oan cho ông Tỳ-kheo nhỏ. Vị lớn liền hết ngờ vực. Hai vị thân nhau như cũ. Ông trời kia, khi hết tuổi thọ, vì việc này phải đọa địa ngục, trôi lăn mãi. Đến nay gặp Phật Thích Ca xuất gia làm Tỳ-kheo nhưng vì còn dư báo nên mỗi khi ông đi đâu, chư Tăng đều thấy rõ ràng một cô gái theo sau. Chúng Tăng cử tội ông không biết bao nhiêu lần. Ông vẫn ngoan cố chối cãi,



**lại còn có khi phát cáu trở lại quở trách
đại chúng nói sai. Thầy Phật cứ im lặng
không chịu xử vụ này. Chư Tăng thưa nhỏ
với vua Ba Tư Nặc. Vua liền cho lính vây
chặt tinh xá, đích thân vào phòng Đại đức
Kundadhàna lục soát. Không thấy ai. Vua
đi ra, mời Tỳ-kheo ra để thưa chuyện thì
rõ ràng một cô gái đi sau. Vua liền trở vào,
mời Thầy vào. Cô gái biến mất. Ba lần như
vậy. Vua tuyên bố: “Đây không phải việc
thường của thế gian. Đã như thế này, Đại
đức phải chịu nhiều khó khăn. Mà các thí
chủ cũng tự chiêu vời nhiều thị phi lầm
lỗi. Vậy từ nay trẫm thỉnh mỗi ngày Đại
đức vào cung thọ trai”. Nhân đây Phật kể
chuyện tiền kiếp để giải thích lý do vì sao
ông Tỳ-kheo cứ có một bóng ảnh theo sau
và cũng không quên nhân dịp nhắc hàng
bốn chúng cẩn thận, chớ phá sự hòa hợp
của các Sư dù chỉ giỡn đùa.**



10- Hữu duyên sanh. Ra Hạ, một số Tỳ-kheo về hầu thăm Phật nương nhờ một chiếc thuyền buôn. Thuyền đi đến ngày thứ bảy, không đi được nữa. Ba lần bói xem đều nói phải vứt người phụ nữ là vợ ông thuyền trưởng xuống biển. Đành y lời thì thuyền lại chạy được như thường. Các Tỳ-kheo bạch, Phật đáp: Trước kia cô là vợ một nông phu hàng ngày đem cơm cho chồng. Có một con chó cứ quấn quýt dù cô đi tiểu đi cầu nó cũng cứ bám chặt không rời. Cô bức mình lấy một cái nồi đựng đất đá. Dùng một chiếc dây một đầu cột cái nồi, một đầu cột con chó, xô cả xuống sông. Do nghiệp ác này đã 500 đời cô cứ bị nạn bị liệng bỏ cho chết ở dưới nước.

- Hữu là nghiệp. Nếu không nghiệp thì không thể có sanh. Đời quá khứ có



một nông phu có một con bò lười, không chịu cày ruộng. Nông phu giận đánh đập đến đâu nó vẫn biếng lười. Ngày kia anh trói chặt bò nói rằng: “Từ đây tha hồ nằm nghỉ nghe, ta cũng không đánh mi nữa”. Nói rồi anh lấy cỏ khô trùm khắp thân nó, nỗi lửa thiêu sống nó. Vì ác nghiệp ấy anh đọa địa ngục bị thiêu đốt rất lâu. Nay còn dư báo anh phải làm loài bàng sanh, chịu nạn lửa đốt đã cả trăm đời rồi.

Lại có bảy Tỳ-kheo đi đường gặp một cảnh già lam xin vào nghỉ trọ. Sư trưởng có một cái thạch động rộng rãi mời các Ngài nghỉ đêm. Bất ngờ nửa đêm một hòn đá to sa xuống bịt chặt cửa ra vào. Sáng ngày Sư trưởng nhờ bao nhiêu người cũng không cách nào xé dịch hòn đá. Bảy ngày sau tự nhiên hòn đá lăn ra. Đức Phật dạy: Kiếp xưa có bảy đứa trẻ chăn bò đuổi



săn một con kỳ đà. Nó chạy vào một cái lỗ gò mối. Đàn trẻ bịt lấp dự định sẽ bắt sau, không dè mải chơi quên đi. Bảy ngày cùng nhau mở lỗ mối thấy kỳ đà vẫn còn, vội thả đi. Bảy đứa trẻ từ đó đời nào cũng chịu nạn đói bảy ngày, tới nay đã là đời thứ 14.

- Người tái sanh được vui cũng nhờ thế lực của thiện nghiệp. Thiện nghiệp trừ khổ, diệt tội, ngừa tai nạn, đỡ lo sợ và cho quả vui. Cô Tara đã dâng chiếc vòng tay bằng ngà đến đức Độc Giác để làm chân bát. Nay cô được làm cận sự nữ hộ pháp đặc lực, học thông suốt Tam tạng.

Bà Visakhà kiếp xưa dâng ba y đến một Đại đức Tăng, nay giàu có triệu phú làm một cận sự nữ, nổi tiếng là một hộ pháp tận tâm và hỷ xả.



Đại đức Bakula do bá thí thuốc mà đời đời mạnh khỏe. Vua A Dục xưa đem lòng tin kính cúng dàng mật ong, được phước báo làm hoàng đế hộ đạo.

Nàng Saja chỉ bá thí chút cơm khô được sinh lên trời. Bần nữ bá thí mảnh khô được sinh về nhàn cảnh.

11-12- Sanh duyên lão tử. Sanh là gốc của già bệnh chết, sanh là gốc của tất cả buồn rầu than van rên rỉ. Sanh là sự cố chấp là mình, là ta, là chúng sanh, là người. Ngũ uẩn dựa vô minh. Vô minh (hoặc) **duyên hành** (nghiệp). **Hành duyên thức** (đưa đi đầu thai mở ra cả biển khổ).

Quán tưởng thấy rõ các duyên nương nhau sanh, nương nhau diệt, gọi là pháp **Thập nhị duyên khởi** (Paticcasamuppada).

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

(Quyển 41)



BỒ TÁT TẶNG HỘI 7/22

Phẩm 5 - BỐN VÔ LƯỢNG TÂM

Thời Đại Uẩn Nhu Lai có vua Tối Thắng
Thọ, trị vì thành Tối Thắng Tràng. Thái
tử tên Tinh Tấn Hạnh đã từng cúng dàng,
thân cận phụng sự câu-chi na-do-tha trăm
ngàn Phật để trồng thiện căn. Đức Đại
Uẩn biết thái tử là Bồ-tát pháp khí, bèn
đứng tại hư không vì thái tử khen tán ba



**đời chư Phật và dạy: Muốn thành Phật
phải tu bốn ba-la-mật đại từ, đại bi, đại
hỷ, đại xả gọi là Bốn vô lượng tâm.**

*Bồ-tát vì Vô-thượng Bồ-đề, tận chúng sanh
giới, Từ tâm khắp mãn.*

Lấy gì để lường chúng sanh giới? Không
một chủng loại chúng sanh hàm thức nào
mà đại từ không trùm khắp. Hư không vô
biên, chúng sanh cũng vô biên nên đại từ
của Bồ-tát cũng vô biên. Nay lấy một thí
dụ để người có thể rõ nghĩa vô hạn lượng
của chúng sanh giới. Giả sử mười phương,
mỗi phương đều có hằng hà sa thế giới, tất
cả hợp thành một biển lớn đầy tràn. Lại
có như thế hằng hà sa chúng sanh nhóm
hợp, lấy một sợi lông chẻ ra 150 phần. Lấy
một phần nhúng vào biển nhỏ giọt thứ
nhất. Lại có hằng hà sa chúng sanh nhiều
hơn trước đồng nhóm họp, lấy một phần



**lông nhúng vào biển nhỏ một giọt thứ hai.
Cứ như thế có thể cho đến hết nước biển
kia mà biên lượng chúng sanh tánh vẫn
không tận. Nên biết tánh chúng sanh vô
lượng vô biên không thể nghĩ bàn, lòng từ
của Bồ-tát vẫn trùm khắp. Vậy thì tu Từ
thiện căn có bờ mé nào cùng?**

Nay nói về tướng đại từ. Từ vô lượng
như thế năng hộ tự thân, hay lợi ích cho
người. Từ đoạn sân giận tận gốc. Nơi
không tranh luận, Từ đứng số một. Từ
diệt vĩnh viễn tất cả lỗi lầm. Từ xa lìa tất
cả ràng buộc của ái. Từ chỉ thấy chúng
sanh thanh tịnh thắng đức, không thấy
họ có phạm cấm. Từ siêu vượt nhiệt não.
Từ phát sinh và nuôi lớn an vui cả ba nơi
thân miệng ý. Từ lực không thể một ai
não hại. Từ tánh an ổn lìa sợ hãi. Từ thiện
căn lực tùy thuận Thánh đạo. Từ có thể



khiến những chúng sanh sân nặng bạo ác phát lòng tin thanh tịnh. Từ nồng cứu bạt chúng sanh. Từ lực tự nhiên không cầm dao trượng. Từ hay dắt dẫn chúng sanh về giải thoát. Từ diệt nóng giận ác hại. Từ lìa trá hiện oai nghi, siểm khúc kiêu mạn, bức thiết đòi cầu. Từ tăng trưởng lợi dưỡng cung kính danh dự. Từ là chỗ Phạm Thích Thiên Vương lễ kính. Dùng Từ để trang nghiêm thân, oai đức của người hành Từ là chỗ các bậc thông tuệ cùng ca ngợi xứng tán. Từ nồng phòng hộ tất cả ngu phu. Từ thuận đạo Phạm thiên, siêu vượt dục giới, mở đường giải thoát.

Từ đi đầu dẫn đạo Đại thừa. Từ nghiệp ngự tất cả các thừa. Từ tích tập phước nghiệp, nồng lực Từ thiện thật không chi bằng. Từ trang nghiêm 32 tướng cùng các tùy hình. Xa lìa những bất hạnh sáu căn



**thô xấu khiếm khuyết. Từ là đường lành
đi đến Niết-bàn, giải thoát vĩnh viễn ác
đạo, tám nạn. Bồ-tát thành tựu đại từ vô
lượng ba-la-mật, đem mắt thiện lành nhìn
chúng sanh, cần cầu chánh pháp không
hề mỏi nhọc.**

**Thanh-văn Từ chỉ để tự cứu độ. Bồ-tát
Từ độ thoát tất cả chúng sanh. Sơ phát
tâm Bồ-tát được Chứng sanh duyên Từ.
Hướng Thánh hạnh Bồ-tát được Phát
duyên Từ. Chứng Vô sanh nhẫn Bồ-tát
được Vô duyên Từ. Thế gọi là Bồ-tát ma-
ha-tát đại từ ba-la-mật.**

*Thế nào là đại bi vô lượng ba-la-mật của Bồ-
tát ma-ha-tát?*

**Bồ-tát muốn được Vô-thượng Bồ-đề
phải dùng đại bi làm đạo thủ. Phàm mười
phương chư Phật có chánh pháp nào cũng**



**đều lấy đại bi làm đạo thủ, rốt ráo không
xả bỏ một chúng sanh.**

**Bồ-tát quan sát: Chúng sanh bị hư ngụy
thân kiến trói buộc, ác kiến tàng ẩn; an
trụ trong hư ngụy không thực, diên đảo
khởi tưởng thường thường trong vô thường, khởi
tưởng vui trong đau khổ, khởi tưởng ngã
trong vô ngã, khởi tưởng tịnh trong bất
tịnh; đắm vị ái dục lăng bức cả tới mẹ con
chị em huống chi các chúng sanh khác;
từng ở bào thai, từ sản môn ra mà không
thẹn hổ còn tham sân si mạn các thứ vô
trí tự gia hại thân; xa lìa chánh pháp, an
trụ phi pháp, tu hành ác pháp, đọa về địa
ngục bàng sanh diêm ma quý thú; cũng
như dã can ở các mộ địa bị bọn chó đuối,
cuống quýt chạy trốn, rơi xuống hố sâu,
cùng đường trong đêm, cất tiếng kêu lớn
mà không ai cứu vớt; như kẻ sanh ra đã**



mù, bị chó sửa chạy rớt xuống vực thẳm; như dòi bọ ăn ở trong phân tiếu không biết chán bở; phiền não bức bách, dù thân dù sơ một bề gia hại, làm đồ đảng ma, bị ma trói buộc, lưới hoặc quấn chặt, chìm trong bùn nhơ; năm ấm che trùm, tham trước sáu trần, mắt vừa thấy sắc, vương chấp hình mạo không thể quên bở, âm thanh hương vị giác xúc cũng thế; sân giận oán thù, được chút lợi nghĩa ấy là bạn lành, một chút thiệt thòi liền thành cừu oán; hôn trầm thùy miên huy liệt ngu độn; trạo cử buông lung; lưới nghi trùm đầu, chẳng thể quyết định thậm thâm chánh pháp; mạn, ngã mạn, quá mạn, tăng thượng mạn, tà mạn; chấp sắc là ta, chấp thọ tưởng là ta, chấp hành thức là ta; chưa chứng tự cho đã chứng, do đây cậy mình, bậc đáng học hỏi không chịu học hỏi, bậc đáng lẽ bái không chịu lẽ bái, tâm không kính thuận



các bậc Trưởng lão tôn túc, không biết kính trọng các đấng Tôn sư, không thỉnh cầu đàn anh thông tuệ chỉ dạy thế nào là thiện bất thiện, nên tu tập không nên tu tập, thế nào là tội không tội, là đạo là định là giải thoát: Các pháp như thế chưa từng minh tỏ, chỉ đăm đăm tính toán ta hơn người, làm sao cho người tôn trọng ta. Bồ-tát quan sát thấy chúng sanh bị bâ bè bốn bên, trong ngoài trói chặt như vậy khởi tâm đại bi, ta phải có vi diệu pháp để vì họ giảng nói.

Bồ-tát thấy chúng sanh bị vợ con tông tớ bao vây ràng buộc, cửa ải sanh tử đóng chặt chẳng thể xa lìa, câu liêm địa ngục bàng sanh diêm ma quỷ đạo móc chặt, không còn một chút tự do tự tại để xu hướng Niết-bàn. Bồ-tát thấy chúng sanh xa rời bạn lành, bị ác tri thức nấm chặt



nên vẫy vùng trong sát đạo dâm vọng,
tham sân tà kiến, như cá trong lưới mà
vẫn tưởng mình là chủ tể biển cả. Bồ-tát
thấy chúng sanh ngu si ám chướng, ngã
nhân thọ giả tác giả, chấp ngã ngã sở, như
thế vô lượng vô biên kiến chấp không xả.
Bồ-tát thấy chúng sanh ham thích sanh tử
luân hồi năm ấm lưu chuyển, như kẻ ở tù
luyến mến gông cùm, không bao giờ nghĩ
tới khai mở con mắt Thánh tuệ. Bồ-tát
thấy chúng sanh bị nghiệp lực cuốn xoay,
như con quay bị búng, từ thế gian này
sang thế gian khác, mù mịt lưu chuyển
tốc hướng về năm thú, nẻo về Niết-
bàn coi như đoạn tuyệt. Bồ-tát đại bi, ta
phải có vi diệu pháp để vì khai mở đường
lối Niết-bàn.



Bồ-tát có mười chuyển tướng đại bi:

- 1) **Do không siểm mà sanh khởi đại bi,**
vì như hư không vĩnh viễn xuất ly.
- 2) **Do không dõi mà sanh khởi, vì từ**
tăng thương ý mà xuất ly.
- 3) **Do chẳng hư vọng mà sanh khởi, vì**
từ đạo như thật, từ chất trực thảng thắn
tâm mình mà xuất ly.
- 4) **Như vậy đại bi là do không quanh**
co mà được sanh khởi. Vì cực khéo an trụ
không tâm quanh co mới xuất ly.
- 5) - 6) **Do không kiêu cao khiếp hạ mà**
được sanh khởi, vì tất cả hữu tình đều cao
mạn những khi gặp may, hay thoái khuất
mỗi khi gặp rủi, nay khéo xuất ly vậy.
- 7) **Do hộ định được sanh khởi, vì từ tự**
tâm tịnh mà được xuất ly.



8) Do kiên cố tuệ mà sanh khởi, vì đã vĩnh ly tất cả động và bất động, tâm khéo an trú, khéo xuất ly.

9) Do xả vui của mình mà được sanh khởi, vì ban vui cho người khác là khéo xuất ly.

10) Do vì muốn gánh vác chúng sanh mà được sanh khởi, vì kiên cố tinh tấn là khéo xuất ly.

Lại có mười chuyển tướng:

1) Tất cả đại thừa xuất ly đều nhân đại bi mà được. Vì do nhân ấy gọi là đại bi.

2) Như vậy đại bi kiến lập tất cả bá thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tịnh lự, trí tuệ do vì nhân ấy gọi là đại bi.

9) Như vậy đại bi kiến lập 37 trợ đạo.

10) Kiến lập Như Lai tự nhiên trí tuệ vì thế gọi là đại bi.



Đại bi tự làm chỗ phải làm, khéo làm chỗ làm, làm không biến dị. Vì chúng sanh làm chỗ nên làm. Như thế đại bi tất cả chúng sanh như ý viên mãn.

Thế gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại bi vô lượng ba-la-mật. Vì ba-la-mật đại bi do đây thành tựu. Bồ-tát quán các chúng sanh cảnh ngộ như vậy nên lại ở nơi chúng sanh trùng hưng bi mãn.

Thế nào gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại hỷ vô lượng ba-la-mật?

Bồ-tát vì chúng sanh cầu Vô-thượng Bồ-dề tu hành đại hỷ. Hỷ có vô lượng tướng. Hỷ là thiện pháp vì nhớ niệm vui vẻ. Hỷ thanh tịnh diệu vì nơi thiện pháp không hạ liệt, không thoái khuất, không lười biếng. Hỷ viễn ly tất cả vui thế gian vì an trụ ở pháp lạc. Trong lòng vui vẻ,



**thân khoan khoái, tuệ giác thư xướng,
tâm ý dũng dược.**

Hỷ vui thân Như Lai, mong cầu tướng
hảo diệu trang nghiêm. Hỷ vui nghe pháp,
nơi pháp có thể chân chánh tu hành.
Nơi pháp hân hoan, nơi chúng sanh tâm
không tổn hại. Lạc Hỷ Bồ-đề nơi quảng
đại pháp ắt có thể tin hiểu. Vui vì hàng
phục xan tham bá thí cho người đến xin
cầu. Với kẻ phạm giới ái tâm nghiệp thọ,
với người trì giới tâm thường thanh tịnh
cũng khiến tự mình giới phẩm thanh tịnh,
Hỷ này an ổn không còn sợ hãi ác đạo.
Hoan hỷ nhẫn thọ lời ác thô bỉ. Hỷ vui
không báo oán dù bị khêu mắt chặt tay
tâm kham nhẫn chịu. Hỷ kính tôn trọng
các bậc Trưởng lão tôn túc, khúc cung bái
lạy. Hỷ thư nhan tâm chí hòa thái, mở lời
chào trước. Hỷ không trá hiện oai nghi



mà kiên thật hướng về chánh pháp. Tâm vui ưa Bồ-tát như bậc Đại sư; tâm vui ưa chánh pháp như thân mạng mình; tâm vui ưa Như Lai như cha mẹ mình; tâm vui ưa chúng sanh như thấy con mệt. Tâm vui ưa Thầy A-xà-lê như quý con mắt mình. Tâm vui ưa chánh hạnh như giữ gìn đầu mình tay chân. Tâm vui ưa Pháp sư như được kho báu. Tâm vui ưa nghe pháp như được uống thuốc. Với người cử tội hay người gợi nhớ tội, tâm vui ưa như được gặp thầy thuốc. Thế gọi là Bồ-tát đại hỷ vô lượng ba-la-mật, Bồ-tát thường ngậm hoan hỷ, cần cầu chánh pháp không bao giờ chán mỏi.

Thế nào là Bồ-tát đại xả vô lượng ba-la-mật?

Xả có ba:

1- Xả phiền não.

2- Hộ tự tha.

3- Thời phi thời.

Xả phiền não là được cung kính không kiêu, cung kính người tâm không ty hạ. Được lợi dưỡng không mừng, không được tâm không tức uất. Với kẻ trì giới phá giới tâm bình đẳng. Gặp khen nịnh không mát dạ, bị hủy chê không ưu sầu. Trước sự khổ có tuệ lực, trước sự vui có pháp quán vô thường. Khí xả ái dục, đoạn trừ sân giận, oán thân bình đẳng, thiện ác không hai. Đối với yêu ghét chẳng quan tâm. Danh đồn khen chê chẳng chấp trước. Nói khéo nói xấu tâm không ưa giận. Nơi các dục vị hay chỗ họa hoạn bình đẳng xứng lượng. Đối với thân ta thân người tâm ý bình đẳng. Với thân mạng mình tình không ngoan luyến. Đối với chúng sanh thương trung hay hạ con mắt bình đẳng. Với pháp ẩn hiển, khởi tánh bình đẳng. Nơi đế phi



đế, tự thể thanh tịnh. Như thế Bồ-tát nếu có thể tự nhiên khởi thắng đối trị gọi là Bồ-tát ma-ha-tát xả phiền não.

Hộ tự tha xả. Bồ-tát bị cắt tay chân da thịt, thường tự quán tâm, trụ xả không hy vọng cầu cạnh. Dù thân miệng khởi các biến khác cũng có thể kham nhẫn.

a) Không do nhẫn tướng cùng sắc tướng cho đến không do ý tướng cùng pháp tướng, tâm sanh tổn hại, chỉ trụ ở xả.

b) Bị người tổn hại không tâm gia báo. Bình đẳng ân oán. Xả không tranh cãi, xả diệt tự tâm, xả quán tự thể, xả không hại ai.

Thời phi thời xả. Chúng sanh phi pháp khí, không cung kính, không lợi ích chê bai khổ não, Thanh-văn quyết định, tu bá thí cần xả tu trì giới, tu trì giới cần xả bá thí, khi tu tịnh lự cần xả bá thí, tu tập



**trí tuệ cần xả duyên phát năm ba-la-mật
v.v... Bồ-tát trí tuệ thâm sâu rõ biết khi
nào xả có ích, khi nào xả vô ích.**

**Bồ-tát an trụ bốn ba-la-mật là Đại thừa
pháp khí, là chư Phật chánh pháp khí.**



TÙ BI



Ái là gốc khổ. Thấy một đám ma trẻ con, ta ngậm ngùi qua loa rồi thôi. Nhưng nếu con mình chết thì lăn lộn khóc mếu, những muộn chết theo con. Ái và Thủ là hành tướng vô minh. Ái sâu bao nhiêu siết chặt bấy nhiêu, sanh ly đứt ruột, tử biệt xé gan. Nếu chồng phản bội thì mối giận của vợ sẽ ung độc có thể hóa ra thù hằn.

Kinh dạy: “Không một người đàn bà nào chưa từng là mẹ ta. Không một người đàn ông nào chưa từng là cha ta. Từ vô thủy ta lưu chuyển trong luân hồi, tất cả chúng sanh đều đã từng là cha mẹ ta.



Nước mắt người thân khóc ta nhiều hơn nước bốn biển". Ân ái nối tiếp, đời đời gặp nhau. Sống ràng buộc, chết dõi theo, kết thành bà con quyến thuộc. Hơi trái ý nhau liền trở thành oán. Oán oán ân ân, đắp đỗi không cùng thành pháp giới trùng trùng duyên khởi.

Ái là tình thương vị kỷ nên tai họa không lường. Người ta thường nói hai chữ “thương hại” đi đôi với nhau. Nhưng ít ai để ý nhận xét cho thấu đáo cái nguy hại của Ái cho mình và cho người mình thương. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Chính vì yêu quá nên ăn thịt lẫn nhau, mở cửa cho sát đạo dâm, ba gốc rễ luân hồi”. Nghĩa mật vi ta không hiểu rõ chớ cứ theo thông thường, ngay trước mắt, thì nếu không ham thích thịt gà, ai có giết gà, cướp mạng gà? Công cha nghĩa mẹ, Ái như biển hồ lai



láng, thấm xương thấu tủy, nhưng đây lại chính là cái vực trầm luân. Những sông mê chảy về biển khổ. Bởi vì đều là tình thương vị kỷ chỉ lo siết chặt vào.

Từ Bi vị tha nên thênh thang rộng rãi. Vì không trói buộc nên không đau khổ. Từ bi nuôi trẻ mồ côi, may gặp ai nuôi giùm mình càng khỏe nhẹ, chứ con mình bỏ mình hẳn sướt mướt hết nước mắt. Giúp người mong đèn ơн, cho tiền người nghèo mong được phước, đều là mặt trái của chấp ngã, chưa phải Từ Bi. Từ Bi khác xa ái kiến. Từ Bi không bao giờ pha lẩn một chút trong mong.

Hòa-thượng Thanh Tứ kể chuyện “Nhân hoa quả cỏ”:

Năm xưa Hòa-thượng dưỡng bệnh tại am Bảo Lộc. Phật tử cúng dàng hạt hoa. Hòa-thượng tươi được bảy bữa. Lẩm chẩm



**mâm xanh nảy lá. Hòa-thượng gia công.
Ít lâu sau được một bồn cỏ. Thầy hết sức
ngạc nhiên, tưởng các Phật tử đã cho lầm
hạt. Sau mới khám phá ra có một đàn kiến
nhỏ, lẫn với màu đất, thường hay vào ra
trong bồn. Thì ra mấy chú đã tha đi hết
hột. Còn đất được xới tưới nên cỏ dễ lên.**

**Vợ chồng người em bị nạn xe chết một
lúc. Vợ chồng người anh đem cả đàn cháu
về nuôi hòa với con mình. Mười năm sau
đàn trẻ trưởng thành. Bà bác than phiền:
“Lũ cháu đã không ơn, trở lại oán ghét”.
Dò hỏi lũ trẻ để biết vì sao nhân hoa mà
lại thành quả cỏ. Mấy đứa trả lời: Bởi vì
con máu cháu mủ. Bà đã nuôi mấy đứa
như người làm không công. Việc nặng gọi
cháu, việc nhẹ gọi con. Mỗi sáng cho con
2\$ ăn lót dạ, cháu được 1\$, chi chi cũng ưu
tiên cho con v.v...**



Thì ra trong lúc chúng ta cắm đầu vun tưới, tưởng sẽ nở hoa Từ Bi, thì đàn ái kiến đã tha hết hạt hoa lúc nào. Con và cháu hòa nhau một đàn. Vì không ngờ nên không trông chừng. Ái kiến lóa mắt khiến không thể bình đẳng trong tình thương. Bạc phước đã khó biết ơn mà dễ oán. Bát Đại Nhân Giác đã dạy rõ ràng: “Bần khổ nhiều oán, ngang kết ác duyên. Bồ-tát bá thí đẳng niệm oán thân...”.

Hay nói cho đúng vì các cháu không cha mẹ nên nghiêng thêm một chút tình thương. Cố tình bù đắp thêm khỏa vào những vô tình ái kiến khiến thiếu sót, may ra cứu được đàn trẻ thoát những quả báo của “vô ơn”.

Trên đây nói về tâm Từ Bi. Nay nói về hạnh Từ Bi. Đức Quán Thế Âm thờ lộ thiên thường được tạc tượng hình đàn bà.



Người ta thường dùng danh từ “mẹ Quán Thế Âm”, “Phật bà Quán Thế Âm”. Bởi vì đàn bà dồi dào tình cảm, sẵn sàng hy sinh tất cả vì con. Trong kinh, đức Quán Thế Âm tự nói: “Ai cần thân đồng nam để được độ, Ta sẽ hiện thân đồng nam để vì nói pháp. Ai cần thân đồng nữ để được độ, Ta sẽ hiện thân đồng nữ để vì nói pháp”. Nghĩa là Ngài tùy chỗ cần thiết mà hiện thân, không cứ nam nữ sang hèn chi cả. Bởi vì Ngài là hình ảnh của Từ Bi. Chỉ có tình mẹ của thế gian mới tạm nói lên đôi chút một phần nào, nơi nương tựa cậy trông của những kẻ bơ vơ lạc lõng, vị ngọt ngào đối với đau khổ đói khát, khí ấm áp cho những rét mướt mùa Đông. Cõi Ta Bà thờ Ngài làm Từ Mẫu.



**Các Tổ dạy lẽ: “Nam mô thanh tịnh
bình, thùy dương liễu, Quán Âm Như Lai
cam lồ sai tâm nguyện”.**

**Tay cầm bình thanh tịnh, tay rũ cành
dương liễu, Quán Âm Như Lai đem nước
cam lồ rửa sạch tâm con.**

**Trước hết cái bình phải thanh tịnh.
Bình có thanh tịnh mới chứa được cam
lồ. Muốn học tập đức Từ Bi chúng ta phải
súc cho sạch cái bình tâm địa. Bình còn
chất độc thì thuốc bổ đổ vào biến thành
thuốc độc. Ít nhất thân miệng cũng phải
viên mãn năm giới, ý căn bớt độc tham
sân si mới kham làm pháp khí chứa đức
Từ Bi. Dương liễu là loại cây cành lá
rất mềm dẻo. Dù mưa gió bão bùng bao
nhiều, cành nào cũng chiêu theo hướng
gió, nên cây được an lành không gãy. Bác
sĩ chẩn mạch những người điên, vui vẻ**



chịu tất cả đấm đá chửi rủa, sự nghiệp cứu khổ mới mãn nguyện. Một số người nghèo bu vào cửa chùa xin ăn, quát tháo nhà chùa khinh người không cho vào, bắt ngồi ngoài sân. Nếu không nhẫn thì việc bá thí không thành.

Một xứ kia, vợ chồng Bà-la-môn có một con gái tuyệt đẹp. Bà-la-môn biết xem tướng, biết con mình sẽ làm hoàng hậu nên để ý tìm người có tướng để vương mong gả con. Thấy Phật có đủ tướng một Chuyển Luân Thánh Vương. Vợ chồng mừng quýnh ngỏ ý. Phật trả lời: “Ta dùng làm gì đến cái da hôi thối ấy?”. Gia đình Bà-la-môn căm thù. Về sau Phật và Anan tình cờ khất thực tại một đô thành, cô bé làm hoàng hậu. Hoàng hậu nhớ hận xưa, sai một bọn côn đồ chửi đánh thậm tệ. Ngài Anan tối mặt tối mày xin Phật lui



đi nơi khác. Phật hỏi: “Giả sử tới đó ta lại gặp việc này thì ta đi đâu?”.

- Thành Ca Tỳ La Vệ quyết định bình an!
- Này Anan, một lương y có bao giờ yết thị: Nơi đây chỉ chữa bệnh nhẹ còn bệnh nặng xin đi nơi khác không?
- Thưa không, đã là lương y thì bệnh càng nặng càng lo cấp cứu. Còn bệnh nhẹ hoãn một chút không sao.
- Này Anan, những thành phố kia ta đã giáo hóa rồi. Còn nơi đây, tham sân si còn che phủ mịt mù, không phải là chỗ lương y chữa bệnh còn tìm nơi đâu?

Thái độ điềm đạm bình tĩnh của Phật, oai thần phước đức lực của trí tuệ nhị không, đã cảm hóa bọn côn đồ như mưa mát làm êm dịu khí nóng trời hạ. Nghe lời



Phật dạy Anan, họ liền quỳ bạch: “**Thật
vậy Cù Đàm! Thật vậy Cù Đàm! Xin ở lại
đây giáo hóa chúng tôi!**”.

Cam lồ dụ Từ Bi. *Cam*: ngọt; *Lồ*: sương mai. **Cam lồ đủ ba đức:** trong sạch, mát mẻ, ngọt ngào. Muốn có đức Từ Bi lợi ích chúng sanh cần thanh tịnh và nhẫn nhục.



HÝ XÃ



Bệnh nhân trúng thực, thầy thuốc vội
cho uống thuốc xổ mới khỏi, nếu không
sẽ có cơ nguy hại. Chúng ta có thói quen
rất dại. Gặp cảnh trái tai gai mắt không
chịu quên đi, lại cứ chứa chấp trong lòng.
Mỗi khi nhớ tới lại bức bối khổ não. Cảnh
thật, một cái lườm, một tiếng nói nặng,
vừa hiện ra đã tắt ngay. Nhưng chúng ta
cứ hôm nay nhớ tới, mai lại nhớ tới, cả
tháng không quên. Thế là khổ thêm một
tháng nữa.

Có người nhớ một mối giận hàng 20
năm. Mà đã ôm trong lòng thì có cơ hội
lại nói ra. Mỗi lần nhắc tới lại giận nữa.



Một việc như vậy. Trăm việc cũng vậy. Cả đời chẳng được mát mẻ chỉ bởi vì cứ chứa của độc trong tâm.

Yêu hay ghét đều là duyên để gặp nhau. Muốn không gặp lại nữa chỉ có một cách là chớ để hình ảnh trong lòng.

Hỷ xả đem lại an vui hiện tại và vị lai. Kinh Lăng Nghiêm chép: Ngài Bạt Đà Bà La cùng 16 vị khai sỹ đồng bạn bạch Phật rằng: “Chúng tôi trước kia nơi đức Phật Oai Âm Vương nghe pháp xuất gia. Trong lúc cùng chư Tăng tắm, bỗng nhiên ngộ được chân tánh của nước, đã không rửa bụi cũng không rửa thân, chặng giữa yên lặng, được vô sở đắc. Túc tập không quên, nên đến ngày nay theo Phật xuất gia được quả vô học”.

Mấy chữ “Túc tập không quên” được Tổ Bích Liên giảng rằng: Thời Oai Âm Vương Như Lai, Tỳ-kheo Bạt Đà La tu



hành mẫu mực, thấy Tỳ-kheo Thường Bất Khinh không chịu ở chùa thiền quán tu hành, cứ chạy theo các Phật tử tại gia lễ lạy: “Tôi không dám khinh các Ngài, các Ngài quyết sẽ thành Phật”. Bạt Đà Bà La quở trách Thường Bất Khinh nặng nề. Vì tội chấp pháp ấy, Bạt Đà Bà La phải đọa địa ngục, bàng sanh, quỷ thú. Lưu chuyển mãi tới khi Thường Bất Khinh thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, độ chúng ở hội Linh Sơn xứ Ấn Độ.

Ngài Bạt Đà Bà La vì có duyên xưa nên nay lại gặp. Đức Thích Ca biết Ngài xưa đã tu pháp quán về xúc trần nên dạy Ngài tiếp tục công phu. Câu chuyện này chứng tỏ ghét nhau thì đời khác sẽ gặp nhau.

Các Tổ vẽ hình đức Di Lặc cười hoài. Dù lũ trẻ nít chọc mắt, béo tai, kéo mũi, Ngài vẫn cười hỷ hả thoải mái.



Bất cứ tại gia hay xuất gia, biết ứng dụng những hình ảnh các Bồ-tát hằng ngày mình thờ sờ sờ trước mắt thì sẽ đem an vui cho mình và cho người.



HẢI TRIỀU ÂM TOÀN TẬP



DÃ XUẤT BẢN:

KINH:

1. Kinh Tứ Thập Nhị Chương - Kinh Di Giáo - Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn.
2. Kinh A Hàm Toát Yếu.
3. Kinh Nhân Duyên.
4. Kinh Tứ Niệm Xứ.
5. Tứ Niệm Xứ Giảng Nghĩa.
6. Kinh Thủ Lăng Nghiêm.
7. Kinh Thủ Lăng Nghiêm & Lăng Nghiêm Chính Mạch Toát Yếu.
8. Kinh Thủ Lăng Nghiêm Giảng Giải
(Phần 1 - Samatha)
9. Đạo Tràng Bát Nhã & Kim Cang Giảng Luận.
10. Bát Nhã Ba La Mật Đa.
11. Kinh Bi Hoa.



12. Kinh A Di Đà Yếu Giải.
13. Kinh Niệm Phật Ba La Mật.
14. Pháp Hoa Thông Nghĩa.
15. Hạnh An Vui - Trí Độ Luận - Học Kinh Pháp Hoa
16. Phổ Môn Giảng Lục.

KINH TỤNG:

17. Kinh Nhật Tụng.
18. Phổ Môn - Sám Sáu Căn - Hồng Danh Bảo Sám.
19. Kinh Dược Sư.
20. Kinh Cahyna.
21. Kinh Vu Lan - Phật Nói Kinh Đại Báo Phụ Mẫu
Trọng Ân.
22. Khóa Lê Tịnh Độ.
23. Sám Nguyện Tịnh Độ.
24. Khóa Tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm.
25. Khoa Phóng Sanh.
26. Biệt Khoa Cúng Thầy.

LUẬT:

27. Luật Học.



28. Tam Quy Và Ngũ Giới.
29. Sadini Luật Nghi Toát Yếu.
30. Thức Xoa Ma Na Luật Nghi.
31. Nghi Thức Bố Tát - Bồ Tát Giới Bổn.
32. Nghi Thức Bố Tát - Tỳ Kheo Ni Giới Bổn.
33. Hai Cánh Nhà Ni.
34. Tục Khắc Trùng Trị Tỳ Ni Sự Nghĩa Tập Yếu.
35. Luật Học Cương Yếu - Luật Tu Xuất Gia.
36. Kinh Phạm Võng.
37. Bồ Tát Giới Giảng Nghĩa.
38. Văn Sám Hối Tỳ Kheo Ni.

LUẬN:

39. Khai Thị.
40. Căn Bản Đạo Lộ.
41. Căn Bản Phật Pháp - Cốt Tủy Giáo Lý Phật.
42. Phật Học Đức Dục.
43. Sự Tích Phật A Di Đà - Lá Thư Tịnh Độ - Hạnh Thanh Tịnh - Tây Phương Du Ký.
44. Pháp Môn Tịnh Độ.
45. Niệm Phật Thập Yếu - Trồng Sen.



46. Tư Quy Tập.
47. Quy Nguyên Trực Chỉ.
48. Tịnh Độ Quyết Nghi.
49. Niệm Phật Viên Thông.
50. Niệm Phật Tam Muội.

SÁCH:

51. Tôn Giả Xá Lợi Phất.
52. Pháp Bảo.
53. Tiểu Sử Sư Trưởng Hải Triều Âm.
54. Di Chúc.
55. Bốn Mùa Hoa Giác.
56. Làm Chùa.
57. Những Lá Thư Thầy.
58. Chăn Trâu.
59. Sống Chết Bình An - Mông Sơn Thí Thực.
60. Hương Vị Giải Thoát.
61. Vô Ngã Là Niết Bàn.
62. Nghiệp Và Phương Pháp Tẩy Nghiệp.
63. Hương Trầm.



64. Vài Suy Ngẫm.
65. Khuyên Phóng Sanh.
66. Răn Sát Sanh.

SẼ XUẤT BẢN:

67. Kinh Lăng Già.
68. Kinh Lăng Già Toát Yếu.
69. Bản Đồ Kinh Hoa Nghiêm.
70. Bản Mười Pháp Giới.
71. Giải Thích Kinh Hoa Nghiêm Phẩm Nhập Pháp Giới.
72. Thập Tín.
73. Hiển Giáo Tâm Yếu.
74. Mật Giáo Tâm Yếu.
75. Kinh Viên Giác.
76. Tỳ Ni Hương Nhũ Toát Yếu.

...(Còn tiếp)

Nam mô Tây phương An Lạc thế giới

Đại từ Đại bi tiếp dẫn Đạo sư
A Di Đà Phật.

Nam mô Nhĩ căn Viên thông

Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát
tâm thanh phố độ.

Cung nguyện tiếp dẫn giác linh

Tôn sư HẢI TRIỀU ÂM
đạt liên cung thượng phẩm,
ngự cảnh An Dưỡng quê hương.

Ấn Tổ lưu truyền,
đèn Phật sáng trưng mãi mãi.

Âm siêu dương thái,
pháp giới chúng sanh
đồng thành Phật đạo.

Nghiep
& Phương Pháp
Tay Nghiep

Tỳ Kheo Ni Hải Triều Âm toát yêu

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập: NGUYỄN THỊ CÂM HỒNG
Sửa bản in: HỒNG ANH – TKN. BẢO GIÁC
Trình bày và Bìa: KHÁNH CHI - HOÀNG TRẠNG

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM – ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP.HCM – ĐT: 39 433 868

GIAN HÀNG M01- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM

Đường Nguyễn Văn Bình, Q.1, TP.HCM

Đơn vị liên kết:

CHÙA DƯỢC SƯ

Địa chỉ: 351 Thôn Phú An, xã Phú Hội,
huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

In lần thứ nhất, số lượng 2.000 cuốn, khổ 14.5x20.5cm. Tại Xí nghiệp
in Nguyễn Minh Hoàng Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình,
TP.HCM. XNKX số: 1304-2020/CXBIPH/04-90/THTPHCM cấp
ngày 16/4/2020. QĐXB số: 281/QĐ-THTPHCM-2020 ngày 28/4/2020.
ISBN: 978-604-58-4719-0. In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2020.